

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 25 tháng 7 năm 2017

Năm báo cáo 2017

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

- Tổng doanh thu :

+ Năm 2016: 57,688 tỷ đồng so với thực hiện năm 2015: 31,399 tỷ đồng, đạt 183,72%.

+ Năm 2016: 57,688 tỷ đồng so với thực hiện năm 2014: 23,872 tỷ đồng, đạt 241,65%.

- Lợi nhuận trước thuế:

+ Năm 2016: 14,519 tỷ đồng so với thực hiện năm 2015: 4,373 tỷ đồng, đạt 332,01%.

+ Năm 2016: 14,519 tỷ đồng so với thực hiện năm 2014: 2,046 tỷ đồng, đạt 709,62%.

- Nộp ngân sách:

+ Năm 2016: 5.361 tỷ đồng so với thực hiện năm 2015: 2,002 tỷ đồng, đạt 267,78%.

+ Năm 2016: 5.361 tỷ đồng so với thực hiện năm 2014: 1,553 tỷ đồng, đạt 345,2%.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp.

Trong 03 năm qua Công ty không có đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm, chủ yếu đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như: Đầu tư xây dựng cơ bản như trồng rừng mới, trồng rừng thay thế, chăm sóc rừng trồng và xây dựng công điều tiết nước phục vụ nuôi tôm, xây dựng các nhà làm việc tiểu khu bằng cây gỗ địa phương, lợp lá và đầu tư xây dựng năm 2016: 02 nhà làm việc cơ bản tại Tiểu khu 130 + 131. Đặc biệt năm 2014 xây dựng cơ bản nhà tập thể cán bộ công nhân viên trị giá 1,059 tỷ đồng.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...)

Trong 03 năm qua đặc thù của Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu khai thác rừng, nuôi trồng thủy sản là chính do đó không có đầu tư lớn, thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh, sản phẩm của Công ty chủ yếu là cây đước vận chuyển về Phụng Hiệp để chế biến than tiêu thụ là chính, do đó không có thị trường cạnh tranh.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

* Thuận lợi:

- Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015 được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT và sự hỗ trợ của các ban, ngành tỉnh Cà Mau; Huyện Ủy, UBND huyện Ngọc Hiển, Năm Căn tạo mọi điều kiện thuận lợi về chủ trương, chính sách cũng như các nguồn lực cần thiết để Công ty thực hiện nhiệm vụ trồng rừng, khai thác rừng và các mặt công tác khác một cách chủ động.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đầu tư bằng vốn của Công ty nhằm mục tiêu tiết kiệm chi phí đầu tư, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Kết quả sản xuất kinh doanh công ty hoạch định chiến lược lâu dài, từng bước ổn định phát triển nghề rừng bền vững, luôn đặt ra các chỉ tiêu năm sau cao hơn năm trước, hàng năm đều đạt và vượt các chỉ tiêu mà cấp trên giao, từ đó tích lũy được vốn kinh doanh, nâng cao năng lực đầu tư cho phát triển.

*** Khó khăn:**

- Với đặc thù là vùng sông nước lưu thông đi lại chủ yếu bằng đường thủy, cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn vùng rừng còn thấp kém, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý bảo vệ rừng hầu hết đều là vỏ máy; quy mô diện tích quản lý 20.569.51 ha, địa bàn quản lý khá rộng nằm trên địa giới hành chính 03 xã, 02 huyện Ngọc Hiển và Năm Căn nên việc thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, khôi phục và phát triển rừng cũng như việc tổ chức sản xuất kinh doanh rừng còn gặp nhiều khó khăn.

- Tổng diện tích đất rừng tương đối lớn, đánh giá xác định giá trị tài sản rừng phải có thời gian để làm cơ sở xây dựng phương án chuyển đổi Công ty cổ phần hóa.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

Hiện nay Công ty đang thực hiện chủ trương cổ phần hóa Công ty, đang thuê công tư tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để làm cơ sở xây dựng phương án cổ phần hóa. Trong giai đoạn tới Công ty tìm các cổ đông chiến lược để đầu tư mở rộng các dịch vụ sản xuất kinh doanh.

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2017)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Sản lượng thương phẩm	M ³	15.689,2	24.302	37.930	14,436
b)						
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	23,872	31,399	57,688	29,800
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,046	4,373	18,629	2,700
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,553	2,002	5.361	1,82
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu					

	có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	"				
b)	- Vốn vay	"				
c)	- Vốn khác	"				
8	Tổng lao động	Người	75	63	60	59
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	6,083	8,276	9,853	8,065
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,155	1,692	1,861	1,127
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	4,928	6,584	7,992	6,938

Người lập biểu



Nguyễn Cảnh Nguyên

Kế toán trưởng



Đinh Văn Diên

Giám đốc



Trần Ngọc Thảo

BIỂU SỐ 2**CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP***(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
01	Quyết định số: 308/QĐ-UBND	23/02/2010	Về việc chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Ngọc Hiến thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
02	Giấy đăng ký số 2000503134	08/07/2014	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
03	Quyết định Số 277/QĐ-UBND	26/02/2014	về việc bổ nhiệm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiến tỉnh Cà Mau
04	Quyết định số : 304/QĐ-UBND	02/03/2016	về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đối với các Công ty TNHH MTV có vốn thuộc sở hữu Nhà nước

BIỂU SỐ 3**THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY***(Chỉ thống kê các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
01	Trần Ngọc Thảo	Chủ tịch kiêm giám đốc	23	0	0	100%
02	Nguyễn Văn Thành	P. giám đốc	06	0	0	100%

BIỂU SỐ 4**THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY***(Chỉ nêu tóm tắt các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
01	05/QĐ-Cty 06/QĐ-Cty	02/24/2016 02/26/2016	Thành lập tổ rà soát thủ tục hành chính Ban hành quy chế đấu giá khai thác lâm sản 2016
02	07/QĐ-Cty	01/03/2016	Thành lập tổ chỉ đạo thực hiện cổ phần hoá Cty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiến

03	21/QĐ-Cty	12/04/2016	Ban hành quy chế đấu giá khai thác lâm sản 2016
04	41/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 131
05	42/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý chi phí hàng tồn kho
06	43/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 138
07	44/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 128
08	45/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 2228
09	71/QĐ-Cty	11/30/2016	Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng

III. Hoạt động của Kiểm soát viên:

1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên

01. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên:

- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.
- Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư tại Công ty.
- Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty.
- Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động.
- Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại Công ty, khả năng thanh toán nợ của Công ty, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.
- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn Chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.
- Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.
- Giám sát chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại Công ty, thực hiện quy chế quản lý tài chính tại Công ty.
- Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Bộ lao động -Thương binh và Xã hội.
- Các công việc có liên quan tại Công ty như: Khai thác, trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, đất rừng....

02. Các báo cáo của Kiểm soát viên:

Biểu số 5

THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

(chỉ nêu tóm tắt các báo cáo quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
01	Số: 05/BC – 2016 - KSV	25/04/2016	Báo cáo thường kỳ hoạt động của Kiểm soát viên quý I/2016 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.
02	Số: 06/BC – 2016 - KSV	27/07/2016	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc: Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.

03	Số: 07/BC – 2016 - KSV	27/07/2016	Báo cáo kết quả hoạt động của Kiểm soát viên 6 tháng đầu năm 2016.
04	Số: 08/BC – 2016 - KSV	27/07/2016	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc thực hiện quỹ tiền lương của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2016.
05	Số: 11/BC – 2016 - KSV	26/10/2016	Báo cáo thường kỳ hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến quý III năm 2016.
06	Số: 01/BC – 2017 - KSV	08/02/2017	Báo cáo kết quả hoạt động của Kiểm soát viên năm 2016.
07	Số: 02/BC – 2017 - KSV	16/02/2017	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc thực hiện quỹ tiền lương của doanh nghiệp năm 2016.
08	Số: 03/BC – 2017 - KSV	30/03/2017	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc: Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2016 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.
09	Số: 04/BC - 2017 - KSV	30/03/2017	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc: Xin trích các quỹ doanh nghiệp năm 2016 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.

BIỂU SỐ 6

THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)
01	DNTN Gõ Tuần An	Bán cúp khai thác lâm sản	1.410.000.000
02	DNTN Gõ Tuần An	Bán cúp khai thác lâm sản	2.385.000.000
03	Công ty TNHH TM-DV Toàn Thịnh	Bán cúp khai thác lâm sản	2.530.000.000
04	DNTN Hữu Tâm	Bán cúp khai thác lâm sản	1.045.500.000
05	DNTN Hữu Tâm	Bán cúp khai thác lâm sản	2.600.000.000
06	DNTN Hoàng Nam Bắc	Bán cúp khai thác lâm sản	2.029.000.000
07	Công ty TNHH Thành Hưng	Bán cúp khai thác lâm sản	1.405.000.000
08	DNTN Gõ Tuần An	Bán cúp khai thác lâm sản	5.455.700.000
09	Công ty TNHH Thành Hưng	Bán cúp khai thác lâm sản	5.700.000.000
10	Công ty TNHH TM-DV Toàn Thịnh	Bán cúp khai thác lâm sản	5.093.055.000
11	DNTN Hoàng Nam Bắc	Bán cúp khai thác lâm sản	4.485.000.000
12	Công ty TNHH TM-DV Toàn Thịnh	Bán cúp khai thác lâm sản	4.412.890.000
13	Công ty TNHH Thành Hưng	Bán cúp khai thác lâm sản	1.055.000.000
14	DNTN Hoàng Nam Bắc	Bán cúp khai thác lâm sản	1.696.000.000

BIỂU SỐ 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM
Tên Doanh nghiệp:
(Năm báo cáo)

Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu số B02-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ý kiến kiểm toán: Đã được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016

PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015

của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 15 tháng 11 năm 2017

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định quỹ tiền lương, thưởng đối với người lao động, thực hiện theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP, ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số: 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định quỹ tiền lương, thưởng đối với người quản lý doanh nghiệp, thực hiện theo Căn cứ Nghị định số: 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thông tư số: 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do

Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2016.. Xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động dựa trên cơ sở thực hiện theo Nghị định 51/2016/NĐ-CP và Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH trình các cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để chi trả lương.

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2016.. Xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp dựa trên cơ sở thực hiện theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH trình các cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để chi trả lương.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao so với kết quả thực hiện trong năm để làm cơ sở báo cáo giám sát tài chính, trích quỹ khen thưởng thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành như:

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao so với kết quả thực hiện trong năm để làm cơ sở báo cáo giám sát tài chính, trích quỹ khen thưởng thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành như:

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp
BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo		Năm báo cáo
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		I	I	I
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	60	60	59
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	10.100	11.100	9.800
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	7.272	7.992	6.938
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	1.818	1.998	1.734
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	11.780	12.950	12.250
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	5	4	4
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	23,4	38,7	23,49
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	2.106	1.861	1.127
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	35,1	38,7	23,49
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng	263,5	232,6	140,9
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	2.369	2.093	1.267,9
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	39,9	43,6	26,4

Người lập biểu



Nguyễn Cảnh Nguyên

Kế toán trưởng



Đinh Văn Diên

Giám đốc



Trần Ngọc Thảo